

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH HÓA

Số: 129/2026/QĐST-HNGĐ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 74/2026/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2026 về việc : “ **Ly hôn** ” giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bình S năm 1973

CCCD số: 015173000081

Địa chỉ: TDP C, phường B, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phạm Anh T sinh năm 1967

CCCD số: 038067002817

Địa chỉ: TDP C, phường B, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

-Căn cứ khoản 1 điều 6; khoản 7 điều 26 ; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội; mục 1.1 (phần án phí Dân sự) danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2017.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bình S năm 1973

CCCD số: 015173000081

Địa chỉ: TDP C, phường B, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phạm Anh T sinh năm 1967

CCCD số: 038067002817

Địa chỉ: [TDP C, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#).

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Dương Thị B](#) và anh [Phạm Anh T](#).

- **Phần con cái:** Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: [Phạm Thái P](#) (nam) sinh ngày 25/02/1996 và cháu [Phạm Dương Yến N](#) (nữ) sinh ngày 28/8/2002. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi thành niên, nên Tòa án không phải giải quyết.

-**Về tài sản:** Các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về phần nợ: Các đương sự không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí DSST [Dương Thị B](#) phải nộp 75.000đ; anh [Phạm Anh T](#) phải nộp: 75.000đ . Hai bên thỏa thuận chị [Dương Thị B](#) nộp toàn bộ số tiền án phí DSST của hai người. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị [Dương Thị B](#) đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá theo biên lai thu số 0001851 ngày 12 tháng 03 năm 2026 sang phần án phí Ly hôn sơ thẩm mà hai người phải nộp. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong về phần án phí .

-Trả lại cho chị [Dương Thị B](#) số tiền án phí còn lại là 150.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền án phí chị [B](#) và anh [T](#) phải nộp.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 6-TH
- Các đương sự
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
- UBND P Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương